TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2023/DS-ST
Ngày: 22-11-2023.
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà PHẠM YẾN NHƯ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG

2. Ông CAO ĐÌNH NHÂN

- Thư ký phiên toà: Bà VY TRẦN BẢO PHƯƠNG - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà BÙI THỊ LAN.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 353/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 và quyết định hoãn phiên toà số 04/2023/QD0-HPT ngày 06.11.2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Vợ chồng ông **Nguyễn Văn N**, sinh 1958 bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1963; Trú tại: Số 20, Q, tổ dân phố S, thị trấn V, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Bà T uỷ quyền cho ông N đại diện theo Giấy uỷ quyền ngày 19/9/2023.

- Bị đơn: Bà **Bùi Thị Bích C**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 7, L, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn vợ chồng ông N bà T có mặt, bị đơn bà Bùi Thị Bích C vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các bản khai nguyên đơn vợ chồng ông N bà T do ông N đại diện trình bày:*

Trước đây bà C có kinh doanh ở L, gần nơi vợ chồng tôi sinh sống nên hai bên quen biết nhau. Ngày 15/02/2020 bà C có mượn chúng tôi số tiền 2.700.000.000đ (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng) để đáo hạn Ngân hàng, có viết giấy tay, hẹn đến 15/3/2020 sẽ trả, vì là chỗ thân tình nên không tính lãi.

Quá hạn chúng tôi đã đến nhà đòi nhiều lần nhưng bà C dây dưa khất từ ngày này qua ngày khác. Thời gian sau này bà C trốn tránh không nghe điện thoại và không cho gặp mặt. Vì vậy ngày 22/5/2023 chúng tôi đã gửi đơn đến cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lâm đồng tố cáo bà C. Khi Cơ quan Công an báo lên làm việc thì bà C đề nghị chúng tôi rút đơn tố cáo thì sẽ thu xếp trả nợ. Ngày 14/8/2023 bà C trả được 300.000.000đ và hứa đến 31/8/2023 sẽ trả thêm 300 triệu, số còn lại xin trả dần từng tháng. Chúng tôi đồng ý ký biên bản nhưng đến nay đã quá hạn bà C không chịu trả tiền cho chúng tôi.

Nay chúng tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết buộc bà C phải trả lại cho chúng tôi số tiền gốc 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng).

Về lãi suất: Yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi suất Ngân hàng thương mại kể từ ngày 16/3/2020 cho đến ngày giải quyết xong vụ án. Tạm tính đến 14/8/2023 số gốc 2.7 tỉ là: 2.700.000đ x 1.25% x 41 tháng = 1.383.750.000đ.

Số gốc 2.4 tỉ tạm tính từ 14/8/2023 đến 14/11/2023 là: 2.400.000đ x 1.25% x 3 tháng = 90.000.000đ.

Tổng tiền lãi: 1.383.750.000đ + 90.000.000đ = 1.473.750.000đ

Tổng cộng cả gốc và lãi bà C phải trả cho vợ chồng tôi là: 2.4 tỉ + 1.473.750.000đ = **3.873.750.000đ** (Ba tỉ tám trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

*** Bị đơn bà Bùi Thị Bích C** ***đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án làm việc và cũng không gởi văn bản trình bày ý kiến, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*** .

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do bị đơn bà Bùi Thị Bích C vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vợ chồng ông N bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu bà Bùi Thị Bích C trả số tiền gốc 2.400.000.000đ (Hai tỉ bốn trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

** Đại diện Viện kiểm sát huyện Đ phát biểu:*

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, thực hiện đúng các yêu cầu về trình tự thủ tục từ khai mạc phiên tòa, thủ tục xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ; Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 68, 70, 71 BLTT dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn N bà Nguyễn Thị T, buộc bà Bùi Thị Bích C phải trả cho ông N bà T số tiền gốc 2.400.000.000đ (Hai tỉ bốn trăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* giữa nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn N bà Nguyễn Thị T và bị đơn bà Bùi Thị Bích C. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: Đối với bị đơn bà Bùi Thị Bích C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C.

[3] Về nội dung: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xác định được ngày 16/3/2020 bà Bùi Thị Bích C có vay của vợ chồng ông N bà T số tiền 2.700.000.000đ để đáo hạn Ngân hàng, hẹn 01 tháng sau 15/3/2020 sẽ trả, vì là chỗ thân tình nên không tính lãi. Quá hạn nhưng bà C dây dưa khất từ ngày này qua ngày khác, sau đó bà C trốn tránh không nghe điện thoại và không cho gặp mặt. Vì vậy ông N bà T đã gửi đơn đến cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lâm đồng tố cáo bà C. Khi Cơ

quan Công an báo lên làm việc thì bà C đề nghị ông N bà T rút đơn tố cáo thì sẽ thu xếp trả nợ. Ngày 14/8/2023 bà C trả được 300.000.000đ và hứa đến 31/8/2023 sẽ trả thêm 300 triệu, số còn lại xin trả dần từng tháng. Ông N bà T đồng ý ký biên bản, rút đơn tố cáo thì bà C không chịu trả nợ như đã hứa tại cơ quan Công an.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, qua xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N bà T. Buộc bà Bùi Thị Bích C có nghĩa vụ trả cho ông N bà T số tiền gốc **2.400.000.000đ** (Hai tỉ bốn trăm triệu đồng) là có căn cứ đúng pháp luật.

Về lãi suất: Tại phiên toà hôm nay phía nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn bà Bùi Thị Bích C phải chịu án phí DSST trên số tiền phải trả cho ông N bà T là: 2 tỉ = 72.000.000đ + (400.000.000đ x 2%) = 76.000.000đ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 232, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Bùi Thị Bích C có nghĩa vụ trả cho ông N bà T số tiền gốc **2.400.000.000đ** (Hai tỉ bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

[2] Về án phí: Bà Bùi Thị Bích C phải chịu 76.000.000đ (Bảy mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ông N bà T có quyền kháng cáo, bà Bùi Thị Bích C vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- TAND tỉnh Lâm Đồng.
-VKS H.Đ, T. Lâm Đồng.
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, T.Lâm Đồng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Yến Như